

Số: 03 /HD-ĐHV

Nghệ An, ngày 11 tháng 7 năm 2019

HƯỚNG DẪN
Xây dựng bản mô tả chương trình đào tạo

Căn cứ Thông tư số 22/2017/TT BGDĐT ngày 06/9/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học và Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học; để phục vụ công tác tổ chức đào tạo, tư vấn tuyển sinh, kiểm định chất lượng chương trình đào tạo, Nhà trường hướng dẫn các khoa, viện xây dựng bản mô tả chương trình đào tạo như sau:

1. Cấu trúc bản mô tả

- Trang bìa
- Mục lục
- Quyết định ban hành bản mô tả chương trình đào tạo
- Bản mô tả chương trình đào tạo

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày tháng năm 20

BẢN MÔ TẢ

Chương trình đào tạo trình độ đại học theo học chế tín chỉ

Ngành:

*(Ban hành theo Quyết định số /QĐ-ĐHV, ngày / /20
của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)*

I. Thông tin chung

1. Tên ngành:
 Tên tiếng Việt:
 Tên tiếng Anh:
2. Mã số ngành đào tạo:
3. Trình độ đào tạo: Đại học
4. Thời gian đào tạo:
5. Tên văn bằng sau tốt nghiệp:
 Tên tiếng Việt:
 Tên tiếng Anh:
6. Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Khoa/Viện
7. Chương trình đối sánh: *(Ghi rõ các chương trình đối sánh trong nước và nước ngoài)*
8. Hình thức đào tạo: Chính quy - Tập trung
9. Ngôn ngữ sử dụng: *(Ghi rõ thứ tiếng dùng để đào tạo)*

10. Thông tin tuyển sinh

- Đối tượng tuyển sinh:
- Hình thức tuyển sinh:
- Dự kiến quy mô tuyển sinh: sinh viên/năm.

11. Điều kiện nhập học

- Thí sinh đủ điểm trúng tuyển vào ngành
- Đảm bảo đủ sức khỏe theo quy định cho các ngành nghề đào tạo.
-

12. Điều kiện tốt nghiệp

(Trích Điều 27, Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ GD&ĐT về điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp).

- Trong thời gian học tập theo quy định của khóa học.
- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Tích lũy đủ tín chỉ quy định trong chương trình đào tạo
- Điểm trung bình chung tích lũy của khóa học đạt từ 2.0 trở lên (theo thang điểm 4).
- Đạt trình độ tiếng Anh bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam hoặc tương đương (Riêng ngành Ngôn ngữ Anh và Sư phạm tiếng Anh yêu cầu đạt trình độ tiếng Anh bậc 5 và tiếng Pháp bậc 3);
- Hoàn thành chương trình đào tạo kỹ năng mềm theo quy định;
- Được đánh giá đạt các học phần Giáo dục QP-AN, Giáo dục thể chất.

13. Ngày tháng ban hành

14. Phiên bản chỉnh sửa: (Ghi rõ lần thứ mấy, ngày ... tháng... năm...)

II. Mục tiêu chương trình đào tạo

.....

III. Chuẩn đầu ra

Chuẩn đầu ra cấp chương trình được thiết kế theo 4 nhóm nội dung:

- Kiến thức và lập luận ngành;
- Kỹ năng và phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp;
- Kỹ năng giao tiếp;
- Năng lực thực hành nghề nghiệp để phân nhiệm giảng dạy cho các môn học và đánh giá ở cấp chương trình.

IV. Nội dung chương trình đào tạo

4.1. Tổng số tín chỉ phải tích lũy: tín chỉ, trong đó:

4.1.1 Khối kiến thức giáo dục đại cương: tín chỉ

4.1.1.1. Kiến thức đại cương chung: tín chỉ

| TT | Tên học phần | Số tín chỉ |
|-------------|--------------|------------|
| 1 | | |
| 2 | | |
| ... | | |
| Tổng | | |

4.1.1.2. Kiến thức đại cương khối ngành: tín chỉ

| TT | Tên học phần | Số tín chỉ |
|-------------|--------------|------------|
| 1 | | |
| 2 | | |
| ... | | |
| Tổng | | |

4.1.2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: tín chỉ

4.1.2.1. Kiến thức cơ sở ngành: tín chỉ

| TT | Tên học phần | Số tín chỉ |
|-------------|--------------|------------|
| 1 | | |
| 2 | | |
| ... | | |
| Tổng | | |

4.1.2.2. Kiến thức chuyên ngành: ... tín chỉ

| TT | Tên học phần | Số tín chỉ |
|-------------|--------------|------------|
| 1 | | |
| 2 | | |
| ... | | |
| Tổng | | |

4.2. Kế hoạch giảng dạy dự kiến

| TT | Mã học phần | Tên học phần | Số TC | Tỷ lệ lý thuyết/ T.luận, bài tập, (T.hành) /Tự học | Chia theo năm/ học kỳ | | | | | | | | |
|-----|-------------|--------------|-------|--|-----------------------|------|-------|------|-------|------|-------|------|--|
| | | | | | Năm 1 | | Năm 2 | | Năm 3 | | Năm 4 | | |
| | | | | | Kỳ 1 | Kỳ 2 | Kỳ 3 | Kỳ 4 | Kỳ 5 | Kỳ 6 | Kỳ 7 | Kỳ 8 | |
| 1 | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | | | | | | | |
| ... | | | | | | | | | | | | | |
| | | Tổng cộng: | | | | | | | | | | | |

4.3. Mô tả học phần

Ví dụ tham khảo

4.3.1. Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam

Học phần thuộc khối kiến thức cơ bản nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về hệ thống những quan điểm chủ trương chính sách của Đảng trong tiến trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa. Trong đó chủ yếu tập trung vào đường lối của Đảng thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội, phục vụ cho cuộc sống và công tác. Xây dựng cho sinh viên niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, phấn đấu theo mục tiêu, lý tưởng của Đảng.

.....

V. Ma trận các kỹ năng

Là bảng phân nhiệm các chuẩn đầu ra cho các học phần, trong đó xác định rõ trình độ kỹ năng, năng lực các học phần phải hình thành cho người học.

Tham khảo mẫu sau:

| TT | Chuẩn đầu ra | 1.1.1 | 1.1.2 | ... | 2.1.1 | ... | 3.1.1 | ... | 4.1.1 | ... |
|-----|---------------|-------|-------|-----|-------|-----|-------|-----|-------|-----|
| | Học phần | | | | | | | | | |
| 1 | Kinh tế vĩ mô | 2.0 | | | 2.5 | | 3.5 | | 3.0 | |
| 2 | | | | | | | | | | |
| ... | | | | | | | | | | |

Lưu ý: Các ký hiệu chuẩn đầu ra (1.1.1, 1.1.2,...) là danh mục Chuẩn đầu ra cấp độ 3 được quy định ở mục III.

VI. Cách thức đánh giá kết quả học tập

6.1. Thang điểm đánh giá:

6.2. Quy định về cách thức đánh giá:

VII. Điều kiện thực hiện chương trình

7.1. Đội ngũ giảng viên

| TT | Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại | Chức danh khoa học, năm phong | Học vị, nước, năm tốt nghiệp | Ngành, chuyên ngành | Học phần, số tín chỉ dự kiến đảm nhiệm |
|-----|---------------------------------------|-------------------------------|------------------------------|---------------------|--|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) |
| 1. | | | | | |
| 2. | | | | | |

7.2. Cơ sở vật chất

- Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy (dùng chung toàn trường);
- Phòng thí nghiệm, thực hành,... (nêu đặc thù cho ngành);
- Ký túc xá (dùng chung toàn trường);
- Cơ sở vật chất phục vụ hoạt động văn hoá - thể thao,... (dùng chung toàn trường);

VIII. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Nghệ An, ngày tháng năm

HIỆU TRƯỞNG

2. Dựa vào cấu trúc ở Mục 1, các khoa, viện thành lập tổ biên soạn, phân công cán bộ đảm nhận xây dựng bản mô tả chương trình đào tạo cho từng ngành học, chuyên phòng Đào tạo tổng hợp để trình Hiệu trưởng phê duyệt, ban hành.

Trên đây là hướng dẫn các khoa, viện xây dựng bản mô tả chương trình đào tạo. Nhà trường yêu cầu Trường các khoa, viện nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Các khoa, viện;
- Các đơn vị liên quan;
- Lưu: HCTH, ĐT.



TS. Trần Bá Tiến